TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16**/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 05 năm 2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thụy
2. Bà Uông Thị Hoa

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hương -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Bách Thiện Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/TLST- HNGĐ ngày 16/01/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh H, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Số 63, B4 An Dương, tổ 38 cụm 6, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên- Luật sư thuộc Công ty TNHH Ánh Dương Việt- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn N, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Phòng 415, D5 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Anh T có mặt, chị N xin vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo ®¬n khëi kiÖn ngµy 11/01/2018 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyªn ®¬n là anh H tr×nh bµy:

Anh và chị Nguyễn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày 24/4/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại căn hộ phòng 307 D5- Tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh cho, đến năm 2010 vợ chồng chuyển về An Dương, Tây Hồ, Hà Nội ở cùng bố mẹ anh.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Tháng 9/2017 chị N và con gái đã chuyển ra thuê nhà tại phòng 415 D5 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 25/11/2007 và Hoàng Nguyễn Nhật Vy, sinh ngày 26/06/2012. Hiện nay anh đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Nhật Anh, chị Nguyễn N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Nhật Vy.

Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con. Trong trường hợp chị N không đồng ý cho anh nuôi cả hai con thì Tòa án phán quyết như thế nào anh sẽ chấp hành.

Về tài sản và nhà ở: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng có một khoản tiền tiết kiệm do chị N gửi tiết kiệm nhưng cụ thể bao nhiêu anh không nắm được. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền tiết kiệm này.

Các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn N trình bày:

Về thời gian kết hôn chị công nhận đúng như anh T trình bày.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không còn tình cảm với chị và chủ động sống riêng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tháng 9/2017 chị và con gái đã chuyển ra thuê nhà tại phòng 415, D5 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội để ở.

Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân chị cũng nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng anh T vẫn không thay đổi quan điểm, vẫn sống ly thân vì vậy chị không có cách nào để vợ chồng hòa giải.

Nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm với anh T và mong muốn cả hai con đều có cả bố mẹ và chung sống một mái nhà.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như anh T đã trình bày là đúng.

Nếu trong trường hợp phải ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung 10.000.000 đồng/ tháng.

Trong trường hợp không được thỏa thuận được với nhau, Tòa án phải giải quyết theo quy định của pháp luật mỗi người nuôi 1 con thì chị có nguyện vọng nuôi cháu

Nhật Vy. Yêu cầu anh T đóng góp 5.000.000đ/tháng.

Tại bản khai ngày 10/4/2018, chị N xin nuôi hai con chung và yêu cầu anh T đóng góp 20.000.000 đồng/tháng.

Về nhà ở chung: Vợ chồng không có nhà ở chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về số tiền tiết kiệm: Vợ chồng chị có một số tiền tiết kiệm là 900.000.000 đồng, hiện tại chị đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Trong trường hợp chị và anh T ly hôn thì chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền tiết kiệm này, chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Quá trình chung sống vợ chồng không cho vay nợ và cũng không vay nợ ai.

Tại phiên tòa:

- Anh T vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

- Chị N xin xét xử vắng mặt.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T sau khi phân tích các chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng. Nhà ở, công nợ hai bên không có. Về số tiền tiết kiệm anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy anh T và chị N không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn chị N. Về con chung: Giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 25/11/2007 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Vy, sinh ngày 26/06/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

VÒ tµi s¶n và nhà ở, công nợ, tiền tiết kiệm: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T phải chịu án phí 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

Về nội dung:

[1]. Anh H và chị Nguyễn N kÕt h«n trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày

24/4/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại căn hộ của bố mẹ anh H tại Phòng 307 D5- Tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đến năm 2010 chuyển về An Dương , Tây Hồ ở cùng bố mẹ anh T.

[2]. Theo anh T trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn chị N.

Theo chị N trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn yêu anh T và mong hai con được lớn lên bên nhau, được sống chung với bố mẹ. Thời gian vừa qua chị không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên cuộc sống vợ chồng không được cải thiện.

[3]. Nhận thấy, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh T và chị N không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay không quan tâm đến nhau.

Chị N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Tài liệu xác minh đại diện hai bên gia đình anh T chị N và chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống cho thấy anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn.

Xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh T và chị N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh T ly hôn chị N.

VỀ con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 25/11/2007 và Hoàng Nguyễn Nhật Vy, sinh ngày 26/06/2012. Hiện nay anh T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Nhật Anh, chị Nguyễn N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Nhật Vy.

Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung.

Chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/ tháng/2 con. Trong trường hợp không thể thỏa thuận với nhau, Tòa án phải giải quyết theo quy định của pháp luật mỗi người nuôi 1 con thì chị N có nguyện vọng nuôi cháu Nhật Vy, yêu cầu anh T đóng góp 5.000.000đ/tháng.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền và lợi ích của con. Cháu Hoàng Nguyễn Nhật Anh hiện đang ở với anh T và cháu Nhật Anh có nguyện vọng được ở với bố. Cháu Hoàng Nguyễn Nhật Vy sáu tuổi là con gái và đang ở với mẹ.

Do đó, giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Anh cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Vy cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên không phải đóng góp nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm

nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

VÒ tµi s¶n và nhà ở, công nợ: Anh T và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số tiền tiết kiệm: Anh T và chị N xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

VÒ ¸n phÝ: Anh H ph¶i chịu 300.000 đồng ¸n phÝ Hôn nhân và gia đình s¬ thÈm.

Anh T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình và của Luật sư tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

QuyÕt ®Þnh

¸p dông §iÒu 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng §iÒu 28; điều 144; điều 147; kho¶n 1 §iÒu 227**;** Điều 271, 273 Bé luËt tè tông d©n sù;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của ñy ban Th-êng vô Quèc héi quy ®Þnh vÒ mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xö:

1. ChÊp nhËn ®¬n xin ly h«n cña anh H.

Anh H ly hôn chị Nguyễn N.

2. VÒ con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 25/11/2007 và Hoàng Nguyễn Nhật Vy, sinh ngày 26/6/2012.

Giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Anh cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Hoàng Nguyễn Nhật Vy cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. VÒ tµi sản và nhà ở, công nợ: Anh T và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về số tiền tiết kiệm: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. VÒ ¸n phÝ: Anh H ph¶i chÞu 300.000 ®ång (ba trăm nghìn đồng) ¸n phÝ ly h«n s¬ thÈm. Được trừ 300.000 ®ång tạm ứng ¸n phÝ đã nộp theo biª n lai thu số 0007997 ngµy 16/01/2018 t¹i Chi côc Thi hµnh ¸n d©n sù quËn Ba Đình.

Anh T có mặt, có quyÒn kh¸ng c¸o b¶n ¸n trong h¹n 15 ngµy kÓ tõ ngµy tuyª n ¸n.

Chị N vắng mặt, có quyÒn kh¸ng c¸o b¶n ¸n trong h¹n 15 ngµy kÓ tõ ngµy nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA DS quận Ba Đình;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Lai